Ngày 20 tháng 4 năm 2026

I. Tiêu chuẩn được chi

STT	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi				Ghi chú
			Gạo	Tổng số	Tiền	Tổng số	
1	Cơm mẫu giáo	104			20.000	2.080.000	
2	Cơm nhà trẻ (bữa chính trưa nhà trẻ	41			10.000	410.000	
3	Bữa phụ+ chính chiều nhà trẻ	41			10.000	410.000	
	Cộng	145				2.900.000	

Thực đơn:

Bữa chính: Chả bánh đa nem(tôm, thịt, cà rốt, hành tây,..).
Tráng miệng: Quýt sim. Canh thịt nấu chua (Dứa, giá đỗ, cà
Bữa phụ NT: Sữa bột Vinamilk.
Bữa phụ MG: Sữa bột Vinamilk + Bún thịt gà cà chua rau mùi
Bữa chính chiều: Bún thịt gà, cà chua, rau mùi

II. Thức ăn trong ngày

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn giá	Bữa chính trưa mẫu giáo		Bữa chính trưa nhà trẻ		Bữa phụ mẫu giáo		Bữa phụ nhà trẻ		Bữa chính chiều nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo bắc thơm	20	9.150	183.000	2200	44.000		0			0	0	11.350	227.000
2	Hành củ	25	100	2.500	30	750	50	1.250			20	500	200	5.000
3	Nước mắm Lâm bão	71	80	5.680	20	1.420	30	2.130			20	1.420	150	10.650
4	Dầu đậu nành Simp	60	200	12.000	110	6.600	60	3.600			30	1.800	400	24.000
5	Bột canh Thiên Hươn	19	60	1.140	10	190	20	380			10	190	100	1.900
6	Sữa Vinamilk	255	0	0	0	0	1110	283.050	400	102.000		0	1.510	385.050
7	Hạt nêm Mezan	52	100	5.200	40	2.080	50	2.600			10	520	200	10.400
9	Miến dong	70	250	17.500	100	7.000		0				0	350	24.500
10	Bún khô	32	0	0	0	0	3200	102.400			1.300	41.600	4.500	144.000
11	Mộc nhĩ	150	100	15.000	50	7.500	0	0				0	150	22.500
12	Bánh đa nem	90	400	36.000	200	18.000	0	0			0	0	600	54.000
13	Hành hoa	35	150	5.250	50	1.750	0	0			0	0	200	7.000
14	Mỡ lợn	90	200	18.000	200	18.000	0	0			0	0	400	36.000
15	Tôm 30-40con/kg	340	600	204.000	200	68.000	0	0			0	0	800	272.000
16	Thịt Sấn bỏ da	140	3.400	476.000	900	126.000	0	0			0	0	4.300	602.000
17	Cà rốt	17	1.100	18.700	300	5.100	0	0			0	0	1.400	23.800
18	Trứng vịt	61	1.700	103.700	500	30.500	0	0			0	0	2.200	134.200
19	Hành tây	15	820	12.300	180	2.700	0	0			0	0	1.000	15.000
20	Quýt sim	30	6.100	183.000	2400	72.000	0	0			0	0	8.500	255.000
21	Dứa	21	1.600	33.600	400	8.400	0	0			0	0	2.000	42.000
22	Giá đỗ	16	1.600	25.600	400	6.400	0	0			0	0	2.000	32.000
23	Cà chua	15	1.500	22.500	500	7.500	400	6.000			200	3.000	2.600	39.000
24	Thịt gà đỏ bỏ cổ đầu, cổ	150	0	0	0	0	2000	300.000			1.500	225.000	3.500	525.000
25	Rau mùi	40	0	0	0	0	150	6.000			50	2.000	200	8.000
	Cộng			**1.380.670**		**433.890**		**707.410**		**102.000**		**276.030**		**2.900.000**

III. Phần quyết toán trong ngày

* Số tiền được chi trong ngày: 2.900.000 đồng
* Số tiền đã chi: 2.900.000 đồng
* Số tiền còn thừa: 0 đồng
* Số tiền chi vượt: 0 đồng

NGƯỜI PHỤ TRÁCH

Trần Thị Nhuần

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ NGHĨA LÂM NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA LÂM

Nguyễn Thị Tuyết Lan